

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 6 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quyên và bà Đỗ Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khánh H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt: Chị N, anh H, ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, lời khai của chị Trần Thị N thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Khánh H tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 20/11/2013, khi cả hai còn đang lao động xuất khẩu tại nước Hàn Quốc, năm 2014 chị N sinh cháu Nguyễn Lan A. Đến năm 2016 vợ chồng về nước và làm ăn sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh H Thôn H, xã Đ; chị và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày

16/3/2017. Sau khi về sinh sống tại xã Đ, chị N và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh H thường xuyên đi uống rượu say cùng với bạn bè rồi về đánh chửi chị. Anh H còn nghi ngờ chị có ngoại tình với người đàn ông khác rồi ghen tuông vô cớ, anh H đánh chị phải đi bệnh viện điều trị nhiều lần. Mỗi lần như vậy, chị N lại xin phép bố mẹ chồng để về gia đình bố mẹ đẻ ở, anh H đến xin lỗi rồi vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau. Khi vợ chồng tiếp tục chung sống, anh H không thay đổi tính nết mà ngày càng đánh chửi chị nhiều hơn. Ngày 04/01/2019 âm lịch, anh H đi uống rượu say rồi về đánh chửi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở huyện K sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị N cho rằng vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm giữa chị và anh H không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

* Ý kiến của anh Nguyễn Khánh H: Quá trình vợ chồng chung sống trước khi kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Năm 2016 vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cháu Lan A bị ốm, anh H ở lại bệnh viện chăm con và đưa con đi tiêm còn chị N đi làm tóc đến 09 giờ tối mới về. Vì chị N về muộn và không quan tâm đến con lúc đau ốm nên anh H có mắng chửi chị N, vợ chồng cãi nhau, anh H tát chị N 01 cái thì chị N gọi điện thoại cho bố mẹ đẻ ra đón về huyện K sinh sống. Chị N bỏ đi được 07 tháng, anh H đến xin lỗi rồi vợ chồng tiếp tục về chung sống. Vợ chồng ở cùng nhau được khoảng 03 tháng thì chị N viết đơn ly hôn yêu cầu anh H ký rồi tiếp tục bỏ đi 07 tháng mới về. Từ tết nguyên đán năm 2019 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh H tìm nhiều lần nhưng chị N kiên quyết không về đoàn tụ. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh H không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ.

Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

* Về con chung: Chị N và anh H đều xác nhận: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/10/2014. Hiện nay cháu Lan A đang ở với anh H. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lan A và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 chị N có yêu cầu Toà án chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 05/02/2020 chị N có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung.

* Về công nợ: Các đương sự đều xác nhận, vợ chồng chị N và anh H có vay của ông K số tiền 350.000.000 (*Ba trăm năm mươi triệu*) đồng. Tại buổi hòa giải ngày 11/5/2020 chị N, anh H và ông K đã thỏa thuận: Anh H phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ nêu trên cho ông Trần Văn K. Anh H không phải trả tiền lãi cho ông K đến khi trả hết nợ.

* Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Khánh H; về con chung: Giao cháu Lan A cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị N có yêu cầu nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã rút yêu cầu này, anh H cũng nhất trí nên đình chỉ giải quyết về phần tài sản chung. Về công nợ: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N, anh H và ông K, buộc anh H phải trả cho ông Trần Văn K số tiền 350.000.000 đồng, về lãi xuất các bên không yêu cầu nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự: Chị Trần Thị N, anh Nguyễn Khánh H và ông Trần Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N với anh Nguyễn Khánh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N với anh Nguyễn Khánh H là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2013 đến giữa năm 2017 thì bắt đầu mâu thuẫn, nhiều lần chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở rồi quay lại đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N trình bày là do anh H hay uống rượu, ghen tuông vô cớ đánh đập chị N; anh H thì cho rằng chị N có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, các đương sự đều xác định từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn chị N, anh H đưa ra là khác nhau, nhưng thực tế tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết ly hôn giữa chị N và anh H là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/10/2014, hiện nay cháu Lan A đang ở với anh H. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Lan A ở với anh H từ khi còn nhỏ, cuộc sống ổn định, khỏe mạnh, phát triển tốt; để đảm bảo ổn định điều kiện sống và tâm lý của cháu Lan

A, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu Lan A cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị N có yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, trước khi Toà án hoà giải chị N đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản chung của vợ chồng, anh H cũng nhất trí với quan điểm của nguyên đơn. Việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự và trả lại chị N tiền tạm ứng án phí chia tài sản mà chị N đã nộp.

[5] Về công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị N xuất trình một giấy biên nhận nợ do anh H viết với nội dung: “Nợ ông K số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng”. Tại buổi hòa giải ngày 11/5/2020 chị N, anh H và ông K đã thỏa thuận: Anh H vay số tiền trên để đầu tư làm ăn riêng nên phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông K, anh H không phải trả tiền lãi cho ông K đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản tiền trên. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Về các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Khánh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 13/10/2014 cho anh Nguyễn Khánh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Lan A đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn; đương sự được quyền khởi kiện lại để yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về công nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; buộc anh Nguyễn Khánh H phải trả ông Trần Văn K toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 350.000.000 (*Ba trăm năm mươi triệu*) đồng. Anh H không phải trả cho ông K khoản tiền lãi nào cho đến khi trả hết số tiền gốc nêu trên.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Trần Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

- Trả lại chị Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 27.100.000 (*Hai mươi bảy triệu một trăm nghìn*) đồng.

Đổi trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AA/2015/0003624 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Anh Nguyễn Khánh H phải nộp toàn bộ án phí về công nợ là 8.750.000 (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS L;
- Công TTĐT Toà án;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy